TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH G

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 04/2021/HS-ST
Ngày: 19/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Nguyễn Xuân H**
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Lưu T** - Cán bộ hưu trí
2. Bà **Nguyễn Thị C** - Cán bộ hưu trí
Thư ký phiên toà: Ông **Vũ Đức Q** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.
Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh G tham gia phiên tòa: Ông **Phạm Thế Q** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Hội T xét xử, Tòa án nhân dân huyện Đ - tỉnh G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 36/2020/HSST ngày 09/10/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 71/2020/QĐXXST-HS ngày 23/12/2020 đối với bị cáo:

PHẠM VĂN L, sinh năm 1987, tại tỉnh G; Nơi Đ ký hộ khẩu thường trú: Thôn C 4, xã IY, huyện IG, tỉnh G; Quốc tịch: V Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Nghề ngH: Làm nông; Trình độ học vấn: 06/12; Cha: Phạm Văn Đ (đã chết); Mẹ: Nguyễn Thị T - sinh năm 1952, đều trú tại: Thôn C 4, xã IY, huyện IG, tỉnh G; Gia đình bị cáo có 05 chị em, bị cáo là con thứ tư trong gia đình; Bị cáo chưa có vợ, con.

Tiền án: 02 tiền án về tội "Cướp giật tài sản" và "Trộm cắp tài sản" (theo Bản án số 182/2014/HSST ngày 28/11/2014 của Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G và Bản án số 06/2017/HSST ngày 17/02/2017 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G).

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt theo Quyết định truy nã từ ngày 23/6/2020, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ - tỉnh G. Có mặt tại phiên tòa.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*
1. Đặng Văn H, sinh năm 1988
Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Có mặt.
2. Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1974
Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
3. Nguyễn Văn V, sinh năm 1979
Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
4. Nguyễn Văn T, sinh năm 1986
Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
5. Đặng Văn Th, sinh năm 1983
Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
6. Bùi Văn C, sinh năm 1981
Trú tại: Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
7. Trần Văn H1, sinh năm 1982
Trú tại: Thôn 4, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.
8. Nguyễn Đức Th1, sinh năm 1989

Trú tại: Thôn 3, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

9. Huỳnh Xuân L1, sinh năm 1971

Trú tại: Thôn 1, xã H, huyện Đ, tỉnh G. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo: Khoảng 18 giờ ngày 10/3/2019, Đặng Văn H gặp Đặng Văn Th, Nguyễn Văn Tr ở tại nhà H, T hỏi H: "Tối có đi chơi không?" (tức là có đi đánh bạc không?), H nói: "Có đủ người thì đi", T nói: "Có đi thì vào rẫy nhà tao mà chơi, có điện sáng". H rủ Tr đi đánh bạc, gọi điện thoại rủ thêm Trần Văn H1 và gọi điện thoại rủ Nguyễn Văn V vào sòng bạc chơi đánh bạc và làm tín dụng trong sòng bạc, H rủ thêm bố vợ Huỳnh Xuân L1 đi đánh bạc. H lấy thêm nước bò húc và bia sài gòn xanh bỏ vào ba lô để mang vào sòng bạc uống; H biết H chuẩn bị đi đánh bạc nên xin đi theo H vào sòng bạc chơi. Sau đó, H mang theo ba lô bên trong có một chăn mỏng, 01 chày gỗ, 01 đế gỗ, 01 ống kim loại hình trụ tròn, 01 bộ bài tú lơ khơ, 01 chén, 01 đĩa sứ, 01 lốc nước bò húc, 05 lon bia Sài gòn xanh và điều khiển xe mô tô biển kiểm soát (BKS) 81B2-134.32 (xe đã bị rơi mất biển số), số khung: RLCL1SK10FY030591, số máy: 1SK1030603 chở Hương đi vào rẫy của gia đình T thuộc Thôn 2, xã H, huyện Đ, tỉnh G đi cùng với H gồm có: Nguyễn Văn Tr điều khiển xe mô tô BKS 81 H6 - 1255 chở theo Huỳnh Xuân L1, Võ Hồng Hải điều khiển xe mô tô BKS 81H8 - 6307 chở Huỳnh Xuân T cùng đi vào rẫy nhà T. V chở T vào nhà rẫy của gia đình thuộc Thôn 2, xã H để đấu điện chuẩn bị địa điểm đánh bạc nhưng T không đấu điện được nên H nói với V và các con bạc di chuyển xuống khu lán rẫy của anh Phạm Văn Đ thuộc làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh G để đánh bạc. Khi đi ngang qua rẫy của Nguyễn Văn T thì T nhìn thấy và hỏi biết được nhóm H đi đánh bạc nên T đi bộ xuống theo sau. Bùi Văn C khi đang ở chơi nhà Trần Văn H1 thì nghe H gọi rủ Hậu đi đánh bạc nên C biết được địa điểm và nhờ T chở về nhà, sau đó đi bộ xuống địa điểm đánh bạc. Khi xuống đến chòi rẫy của anh Đ thì H1 đốt lửa cho sáng, còn H lấy chày gỗ và các dụng cụ ra đục 04 quân vị hình tròn từ lá bài tú lơ khơ để làm dụng cụ đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa; H trải chăn mỏng ra làm chiếu bạc và lấy bộ chén đĩa sứ ra để xóc các quân vị đánh bạc. Lúc này, V về nhà luộc bắp ngô để mang vào sòng bạc bán, T xóc thử các quân vị thì Tr nói: "Mày không có tiền, tránh ra để tao xóc cái", Tr đứng ra xóc cái cho T, H, T, C tham gia đánh bạc. Lúc sau, có thêm Trần Văn H1 và Trần Văn C1 đến sòng bạc, H1 tham gia đánh bạc còn C1 đứng xem. Sau đó có thêm Nguyễn Đức Th1, Đặng Văn H, PHẠM VĂN L vào đánh bạc và có Nguyễn Cao K gọi điện nhờ V chở vào sòng bạc để đánh bạc. V luộc bắp ngô mang vào sòng bạc thì H nói Tr bỏ ra 200.000 đồng mua bắp ngô của V cho những người trong sòng bạc ăn. Sau khi ăn ngô luộc xong thì Tr xóc cái cho các con bạc tiếp tục đánh bạc; thấy V có mang nhiều tiền thì T vay của V số tiền 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, L lấy 1.000.000 đồng của V và trừ vào tiền công tưới cà phê cho V, L trả nợ cho Tín 100.000 đồng để Tín đánh bạc và Lễ dùng số tiền còn lại để đánh bạc; H mượn của V 200.000 đồng để trả tiền thua bạc; Th cầm cố điện thoại cho V lấy 300.000 đồng để đánh bạc nhưng thua hết tiền trên, sau đó Th mượn thêm 1.200.000 đồng và dùng 700.000 đồng để đánh bạc; H mượn 1.000.000 đồng của V để đánh bạc; T mượn điện thoại của H2 cầm cho V số tiền 3.000.000 đồng để lấy tiền đánh bạc và chia cho H2 1.000.000 đồng để H2 đánh bạc, T lấy điện thoại của T cầm cho V lấy số tiền 1.500.000 đồng và trả nợ cho C1 500.000 đồng; Tr vay của V hai lần, mỗi lần 500.000 đồng (tổng cộng Tr vay mượn của V số tiền là 1.000.000 đồng) để đánh bạc, do T bạc nên Tr đã trả lại tiền cho V và cho V thêm số tiền 100.000 đồng. V tham gia đánh bạc và đặt ba ván,

mỗi ván 200.000 đồng thì thua hết nên V không chơi nữa và ngồi xem đánh bạc chờ lấy lại tiền cho các con bạc vay mượn.

Quá trình đánh bạc, H thu tiền xâu của các con bạc được 250.000 đồng và dùng số tiền trên để đánh bạc; các con bạc có nhu cầu uống nước, uống bia thì lấy nước, bia uống. Khi tất cả đang đánh bạc đến khoảng gần 24 giờ cùng ngày thì Tr T bạc nên không xóc cái nữa mà chuyển cho T xóc cái được hai ván thì Công an huyện Đ kiểm tra, bắt quả tang các đối tượng đang đánh bạc và bắt giữ: Đặng Văn H, Nguyễn Văn Tr, Huỳnh Xuân L1, Nguyễn Văn V và Huỳnh Xuân T; những người còn lại bỏ chạy thoát.

Ngày 12/3/2019, T, Th, T, H, C và H1 đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi cùng đồng phạm tham gia đánh bạc vào tối ngày 10 tháng 3 năm 2019;

Đối với PHẠM VĂN L, Nguyễn Cao K và Võ Hồng H2 sau khi phạm tội đã bỏ trốn khỏi địa phương Cơ quan điều tra đã ra Quyết định khởi tố bị cáo và ra Quyết định truy nã theo quy định. Đến ngày 23 tháng 6 năm 2020, PHẠM VĂN L bị bắt theo Quyết định truy nã. Riêng Nguyễn Cao K và Võ Hồng H2 đến nay chưa bắt được Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án đối với hành vi của các bị cáo, đồng thời ra Quyết định tạm đình chỉ điều tra vụ án, tạm đình chỉ điều tra bị cáo khi nào bắt được sẽ điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật;

Quá trình điều tra xác định: Đánh bạc dưới hình thức "xóc đĩa" là việc người xóc cái dùng 04 quân vị hình tròn được đục từ lá bài tú lơ khơ (mỗi quân vị có 02 mặt tương ứng với 02 màu khác nhau) và bỏ vào bên trong đĩa sứ, dùng chén sứ úp lại và xóc, sau khi xóc xong thì các con bạc lựa chọn và đặt tiền xuống chiếu bạc theo 2 bên "chẵn" hoặc "lẽ"; người xóc cái sẽ mở đĩa sứ để xác định T thua bằng cách xác định "chẵn" hoặc "lẻ", nếu quân vị là "chẵn" thì người đặt bên chẵn ăn tiền, nếu quân vị là "lẻ" thì người đặt bên lẻ ăn tiền, tỷ lệ ăn thua là đặt 1 ăn 1. "Chẵn" có nghĩa là 04 quân vị hoặc 02 quân vị có cùng màu với nhau; "lẻ" có nghĩa là có 01 quân vị khác màu với 03 quân vị còn lại; số tiền đánh bạc của những người tham gia đánh bạc được xác định như sau:

+ Nguyễn Văn Tr: Mang theo số tiền 800.000 đồng để đánh bạc bị thua hết tiền, vay của V hai lần là 1.000.000 đồng tiếp tục đánh bạc thì T bạc nên trả lại cho V số tiền vay và cho thêm V số tiền 100.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang thì Tr đang đánh bạc do T xóc cái và cầm trên tay khoảng 600.000 đồng để đánh bạc nên Tr vứt tiền xuống chiếu bạc bỏ chạy thì bị bắt. Kiểm tra trên người Tr còn có số tiền 10.450.000 đồng là tiền T bạc.

+ Đặng Văn H: Mang theo số tiền khoảng 4.000.000 đồng để đánh bạc (tiền bỏ trong ví da); lần đầu H lấy ra hơn 300.000 đồng để đánh bạc bị thua, sau đó H vay mượn của V 200.000 đồng để trả tiền thua bạc và tiếp tục chơi thì T bạc. Khi Công an bắt quả tang đánh bạc thì H đang T bạc và cầm trên tay số tiền hơn 1.100.000 đồng, H vứt tiền xuống chiếu bạc để bỏ chạy thì bị bắt. Kiểm tra trên người H có 01 ví da bên trong có số tiền 3.750.000 đồng là tiền H dùng để đánh bạc nhưng H chưa dùng tới vì đang T bạc.

+ Bùi Văn C: Sử dụng số tiền 150.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết.

+ Nguyễn Đức Th1: Sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết tiền, Thuận cầm cố điện thoại di động cho V lấy 300.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết tiền nên Thuận vay mượn của V thêm số tiền 1.200.000 đồng và dùng 700.000 đồng để đánh bạc và thua hết 300.000 đồng. Khi Công an bắt quả tang đánh bạc thì Thuận chạy thoát và mang theo số tiền 900.000 đồng về nhà, trong đó có 400.000 đồng là tiền sử dụng vào việc đánh bạc nhưng chưa dùng tới.

+ Đặng Văn H: Sử dụng số tiền 100.000 đồng để đánh bạc và bị thua, Hiển vay mượn của V số tiền 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc thì bị thua 100.000 đồng, còn

lại 900.000 đồng đang cầm trên tay thì Công an bắt quả tang đánh bạc nên Hiển vứt số tiền trên xuống chiếu bạc bỏ chạy.

+ Huỳnh Xuân L1: Lấy của V số tiền 1.000.000 đồng tiền công tưới cà phê và đưa trả cho Huỳnh Xuân T 100.000 đồng để Tín đánh bạc; Lễ dùng số tiền 900.000 đồng để đánh bạc, khi Công an bắt quả tang thì Lễ đang T bạc và có trên người số tiền là 2.750.000 đồng, trong đó có 200.000 đồng không sử dụng để đánh bạc, số tiền còn lại là 2.550.000 đồng là tiền đánh bạc và T bạc của Lễ.

+ Nguyễn Văn T: Sử dụng số tiền 230.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết tiền, T vay mượn của V số tiền 1.000.000 đồng để tiếp tục đánh bạc bị thua 100.000 đồng, khi Công an bắt quả tang thì T vứt xuống chiếu bạc số tiền 900.000 đồng bỏ chạy.

+ Huỳnh Xuân T: Không có tiền nên ngồi xem đánh bạc và xin Tr được 100.000 đồng và Lễ trả nợ số tiền 100.000 đồng, Tín dùng 200.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết tiền nên ngồi xem đến khi bị Công an bắt quả tang.

+ Trần Văn H1: Sử dụng số tiền 300.000 đồng để đánh bạc và bị thua hết.

+ Nguyễn Văn V: Mang theo số tiền 10.300.000 đồng vào sòng bạc, bán Ngô luộc được thêm 200.000 đồng; V đưa cho Huỳnh Xuân L1 số tiền 1.000.000 đồng (là tiền công tưới cà phê để Lễ đánh bạc); cho H vay 200.000 đồng để đánh bạc; cầm cố cho T 01 điện thoại di động (T mượn điện thoại của Hải) với số tiền 3.000.000 đồng để H2 và T đánh bạc, cầm cố của T 01 điện thoại di động của T với số tiền 1.500.000 đồng; cầm cố cho Thuận 01 điện thoại di động với số tiền 300.000 đồng để Thuận đánh bạc và cho Thuận vay mượn thêm số tiền 1.200.000 đồng; cho H vay mượn số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; cho Tr vay mượn số tiền 1.000.000 đồng đánh bạc, cho T vay số tiền 1.000.000 đồng để đánh bạc; V tham gia đánh bạc bị thua 200.000 đồng.

+ Đặng Văn Th: Sử dụng số tiền 150.000 đồng để đánh bạc bị thua hết tiền; T cầm cố 01 điện thoại di động của T cho V lấy số tiền 1.500.000 đồng, trả nợ cho Trần Văn C1 500.000 đồng và sử dụng số tiền còn lại tiếp tục đánh bạc và bị thua hết tiền; T mượn của Hải 01 điện thoại di động để cầm cố cho V lấy 3.000.000 đồng, T chia cho H2 1000.000 đồng để Hải đánh bạc; T tiếp tục đánh bạc bị thua hết tiền.

+ Đối với PHẠM VĂN L: Khi vào sòng bạc, Lộc mang theo số tiền 5.000.000 đồng, Lộc sử dụng số tiền 2.000.000 đồng để đánh bạc, khi bị Công an bắt quả tang bị L thua hết số tiền trên, L bỏ chạy thoát và bỏ trốn cho đến ngày 23 tháng 6 năm 2020 thì bị bắt.

+ Đối với Võ Hồng H2 và Nguyễn Cao K đã bỏ trốn nên chưa xác định được số tiền đánh bạc.

2. Về vật chứng:

* Vật chứng thu giữ khi bắt quả tang gồm:

- 04 quân vị hình tròn được làm từ lá bài tú lơ khơ, có đường kính là 02cm;

- 01 chén sứ có chiều cao 06cm, đường kính miệng chén là 11cm, đường kính đáy chén là 05cm;

- 01 đĩa sứ hình tròn, cao 03cm, đường kính miệng đĩa là 16cm, đường kính đáy đĩa là 10cm;

- 01 chăn mỏng, màu vàng nhạt, đã qua sử dụng có kích thước (0,9m x 1,1m) dùng làm chiếu bạc;

- Tiền VNĐ thu trên chiếu bạc: 6.000.000 đồng;

- 01 ba lô màu đen, kích thước (45cm x 20cm x 30cm), đã qua sử dụng bên trong có:

+ 01 chày gỗ hình trụ tròn dài 7,5cm, đầu to có đường kính 04cm, đầu nhỏ có đường kính 3,5cm;

+ 01 đế gỗ hình hộp chữ nhật có kích thước (07cm x 05cm x 04cm)

+ 01 ống kim loại hình trụ tròn, rỗng ruột dài 4,5cm, đầu to có đường kính 2,5cm, đầu nhỏ có đường kính 02cm;

- 33 quân bài tú lơ khơ, mỗi quân có kích thước (05cm x 8,6cm);

- 06 xe mô tô gồm:

+ Xe mô tô BKS: 81H8-6307, số khung CG024UM 006265, số máy CT 100006165;

+ Xe mô tô số khung: RLCL1SK10FY 030591, số máy: 1SK 1030603;

+ Xe mô tô BKS: 81H6 -1255, số khung 014DT 202591, số máy 152FMH 202591;

+ Xe mô tô BKS 81H3-4856, số khung: VDTLCG0120DT000220, số máy: VDT1P50FMG3010220;

+ Xe mô tô BKS 81C1-082.74, số khung 109Y 143813, số máy 43E 0700068;

+ Xe mô tô BKS 81 C1-009.66, số khung 0XBY 010942, số máy 12E 2811016.

- Tạm giữ của Đặng Văn H: 01 ví da màu nâu, kích thước (24 cm x 09cm) đã qua sử dụng, bên trong có số tiền 3.750.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung số Imei 1: 356202092549437, Imei 2: 356203092549435 bên trong có sim số: 0974015559.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn V: Tiền VNĐ là 1.200.000 đồng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia có số Imei 356879079197668, bên trong có sim số: 0394937416; 01 quyển vở học sinh loại 96 trang của Công ty Tân Thuận Tiến sản xuất, trên tờ giấy vở cuối cùng có ghi tên người và các con số.

- Tạm giữ của Nguyễn Văn Tr: Tiền VNĐ là 10.450.000 đồng.

- Tạm giữ của Huỳnh Xuân L1: Tiền VNĐ là 2.750.000 đồng.

* Quá trình điều tra Cơ quan điều tra thu giữ gồm:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia vỏ màu xanh có số Imei: 357341089091174 của Trần Văn H1 giao nộp.

- Tiền VNĐ: 400.000 đồng do Nguyễn Đức Th1 giao nộp.

Những vật chứng thu giữ đã được giải quyết theo Bản án số 29/2019/HSST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Riêng đối với xe mô tô BKS 81H3 - 4856, số khung: 012DT000220, số máy: FMG3010220, quá trình điều tra xác định thuộc sở hữu của bị cáo, Lộc mua xe mô tô trên từ tiệm phế liệu. Ngày 10/3/ 2019, L đã sử dụng xe mô tô trên đi vào sòng bạc và tham gia đánh bạc, sau khi bỏ trốn để lại hiện T và bị Cơ quan điều tra Công an huyện Đ thu giữ, chuyển theo hồ sơ vụ án để xử lý theo quy định.

Trong thời gian trốn truy nã bị cáo Lộc khai nhận đã thực hiện nhiều vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện Đ, huyện C và thành phố P, tỉnh G. Hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ, huyện C và thành phố P đang điều tra, làm rõ xử lý theo quy định của pháp luật.

3. Cáo trạng của Viện kiểm sát: Tại bản cáo trạng số: 34/CT-VKS ngày 09/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tỉnh G đã truy tố bị cáo về tội: *"Đánh bạc"* theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ giữ nguyên nội dung Cáo trạng truy tố và đề nghị:

Về hình phạt: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo PHẠM VĂN L từ 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm tù.

Xử phạt tiền bị cáo số tiền 10.000.000 đồng.

Về vật chứng: Cần tuyên trả cho bị cáo 01 xe mô tô BKS 81H3-4856, số khung: VDTLCG0120DT000220, số máy: VDT1P50FMG3010220 vì bị cáo không sử dụng xe này để đánh bạc.

Về dân sự: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố và mong Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng đã được người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, các cơ quan tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa, không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận về hành vi phạm tội phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ 19 giờ 30 phút đến 24 giờ ngày 10/3/2019, tại khu vực lán rẫy của anh Phạm Văn Đ thuộc làng K, xã K, huyện Đ, tỉnh G, bị cáo đã có hành vi đánh bạc dưới hình thức xóc đĩa, được thua bằng tiền cùng với Đặng Văn H, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Đặng Văn Th, Bùi Văn C, Đặng Văn H, Nguyễn Đức Th1, Trần Văn H1, Huỳnh Xuân L1 và Huỳnh Xuân T, với tổng số tiền đánh bạc được xác định là: 23.150.000 đồng.

Đối với Đặng Văn H, Nguyễn Văn Tr, Nguyễn Văn V, Nguyễn Văn T, Đặng Văn Th, Bùi Văn C, Đặng Văn H, Nguyễn Đức Th1, Trần Văn H1, Huỳnh Xuân L1 và Huỳnh Xuân T đã được Tòa án nhân dân huyện Đ đưa ra xét xử theo Bản án số 29/2019/HSST ngày 01/10/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G.

Xét hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm vào trật tự quản lý hành chính nhà nước mà pháp luật hình sự bảo vệ. Bị cáo có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội mới nên lần phạm tội này của bị cáo thuộc T hợp "Tái phạm nguy hiểm" là tình tiết định khung tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm d khoản 2 Điều 321 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ đã truy tố đối với bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo là người có nhân thân xấu:

- Ngày 06/01/2005, có hành vi "Cố ý gây thương tích" đến ngày 22/11/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh G xử phạt 04 năm tù sau đó L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 02/3/2006 bị Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cáo tại Đà Nẵng bác kháng cáo y án sơ thẩm, chấp hành án tại Trại tạm giam (T20) Công an tỉnh G. Ngày 25/10/2007 chấp hành xong hình phạt về lại địa phương. (Đã xóa án tích)

- Ngày 08/5/2008, có hành vi "Trộm cắp tài sản" đến ngày 23/12/2008 bị Tòa án nhân dân huyện IG, tỉnh G xử phạt 14 tháng tù giam, chấp hành án tại Trại giam Gia Tr. Ngày 22/12/2009 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. (Đã xóa án tích)

- Ngày 01/9/2014, có hành vi "Cướp giật tài sản" đến ngày 28/11/2014 bị Tòa án nhân dân thành phố P, tỉnh G xử phạt 24 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Gia Tr. Ngày 01/6/2016 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. (Chưa xóa án tích)

- Ngày 09/10/2016, có hành vi "Trộm cắp tài sản" đến ngày 17/02/2017 bị Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh G xử phạt 18 tháng tù, chấp hành án tại Trại giam Gia Tr. Ngày 20/3/2018 chấp hành xong hình phạt tù về địa phương. (Chưa xóa án tích)

- Ngày 10 tháng 3 năm 2019, có hành vi "Đánh bạc" tại xã K, huyện Đ, tỉnh G. Ngày 04 tháng 5 năm 2019 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ khởi tố, điều tra để xử lý theo quy định. Bị cáo đã bỏ trốn và bị bắt theo lệnh truy nã.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thể hiện sự thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được áp dụng đối với bị cáo cũng như yêu cầu trong công tác đấu tranh phòng chống tội phạm tại địa phương, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải xử phạt các bị cáo một mức án nghiêm khắc, tương xứng với mức độ, hành vi của bị cáo, cách ly bị cáo ra ngoài đời sống xã hội một thời gian mới có đủ tác dụng giáo dục, cải tạo riêng đối với bị cáo và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo PHẠM VĂN L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng) để sung vào ngân sách Nhà nước.

Trong vụ án này, còn có Võ Hồng H2 và Nguyễn Cao K cũng tham gia đánh bạc nhưng sau khi phạm tội đã bỏ trốn, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định truy nã, tách vụ án khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[3] Về vật chứng: Bị cáo sử dụng xe mô tô BKS 81H3 - 4856, số khung: VDTLCG0120DT000220, số máy: VDT1P50FMG3010220 để đi vào tham gia đánh bạc nhưng không sử dụng xe này để đánh bạc. Vì vậy cần tuyền trả xe mô tô này cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm d khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 47 Bộ luật hình sự.

- Điều 106; Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự;

- Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo **PHẠM VĂN L** phạm tội: *"Đánh Bạc"*.

Xử phạt bị cáo Thông 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt theo lệnh truy nã là ngày 23/6/2020.

Về hình phạt bổ sung: Xử phạt bị cáo PHẠM VĂN L phải nộp số tiền 10.000.000 đồng *(Mười triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Về vật chứng: Trả lại cho PHẠM VĂN L 01 xe mô tô BKS 81H3- 4856, số khung: VDTLCG0120DT000220, số máy: VDT1P50FMG3010220.

Tình trạng vật chứng như thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 18/01/2021 giữa Công an huyện Đ,tỉnh G và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh G.

3. Về án phí: Buộc bị cáo PHẠM VĂN L phải nộp số tiền 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (19/01/2021); Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

T hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- Sở tư pháp tỉnh G;
- VKSND huyện Đ;
- Công an huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS/VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Xuân H